

Số: 02/2026/QĐST-LD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 22/2025/TLST-LĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh ngày 03/3/1971.

Căn cước công dân số: 030071009713, do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2022.

Địa chỉ thường trú: P.236B, C N, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là P.236B, C N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần D.

Trụ sở: Số A C, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số A C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc: Số I T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Võ Văn N; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ thường trú: 4 Hẻm C H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 4 Hẻm C H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thu H; Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Giấy ủy quyền số 49/UQ-SPT-PC ngày 17/12/2025.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Cổ phần D còn nợ ông Nguyễn Quang T tổng tiền lương là 39.742.668 đồng, trong đó lương của tháng 8/2021 là 20.513.098 đồng và lương của tháng 9/2021 là 19.229.570 đồng. Công ty Cổ phần D có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền 39.742.668 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng) theo phương thức và thời hạn như sau:

Lần 1: Chậm nhất ngày 20 tháng 01 năm 2026, thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Lần 2: Chậm nhất ngày 20 tháng 02 năm 2026, thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Lần 3: Chậm nhất ngày 20 tháng 03 năm 2026, thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Lần 4: Chậm nhất ngày 20 tháng 04 năm 2026, thanh toán số tiền là 9.742.668 đồng (chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

(Trường hợp ngày trả tiền rơi vào ngày nghỉ, ngày Lễ thì ngày trả tiền là ngày làm việc tiếp theo)

2.2. Công ty Cổ phần D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền đóng toàn bộ tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Quang T (bao gồm phần trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động) trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022 theo Hợp đồng lao động số 949/2009/HĐLĐ-SPT ngày 26/5/2009 và Phụ lục Hợp đồng lao động số 01/2012/PLHD-SPT giữa ông Nguyễn Quang T với Công ty Cổ phần D.

Công ty Cổ phần D có trách nhiệm làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Quang T.

Thời gian để Công ty Cổ phần D thực hiện việc đóng tiền bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Quang T chậm nhất là ngày 20/02/2026.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán thì hàng tháng Công ty Cổ phần D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Án phí hòa giải thành là 596.140 đồng (năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi đồng) Công ty Cổ phần D tự nguyện chịu toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV1 – TP. HCM;
- PTHADS KV1 – TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hoa